

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành  
trong lĩnh vực đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của  
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-BKHĐT ngày 25/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bổ sung mới trong lĩnh vực đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư tại Tờ trình số 91/TTr-SKHĐT ngày 03/6/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đầu tư (02 thủ tục) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính tại Quyết định này được công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia ([csdl.dichvucong.gov.vn](http://csdl.dichvucong.gov.vn)); Cổng Dịch vụ công tỉnh ([dichvucong.hoabinh.gov.vn](http://dichvucong.hoabinh.gov.vn)); Trang Thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, chuyên mục “Văn bản/Quyết định” tại địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>

**Điều 2.** Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kể từ ngày ký.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của thủ tục hành chính tại Quyết định này vào phần mềm một cửa điện tử tỉnh, Cổng Dịch vụ công tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở, Ngành liên quan và niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định;

+ Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan liên quan căn cứ thủ tục hành chính tại Quyết định này, rà soát, xây dựng quy trình nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý. Thời gian trước ngày 15/6/2020.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC -VPCP;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ng.03b)

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Khánh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẦU THẦU THUỘC**  
**PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HÒA BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1269/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

**Phần 1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận/cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1		Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ dự án sân gôn theo quy định tại Điểm a, Khoản này, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các bộ, cơ quan có liên quan về những nội dung của Dự án sân gôn;</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các bộ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến bằng văn bản về những nội dung của Dự án sân gôn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ Dự án sân gôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định hồ sơ Dự án sân gôn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh và lấy ý kiến thẩm định của Bộ, ngành và cơ quan khác có liên quan;</li> <li>- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định;</li> <li>- Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm tra;</li> <li>- Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn;</li> <li>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực</li> </ul>

			<p>gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, lập báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư gồm các nội dung theo quy định của pháp luật đầu tư;</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ trình đầy đủ, đúng thủ tục của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và Văn phòng Chính phủ thực hiện phát hành, công khai văn bản theo đúng Quy chế làm việc của Chính phủ.</li> </ul>			<p>hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.</p>
2		<p>Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ dự án sân gôn theo quy định tại Điểm a, Khoản này, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về những nội dung của Dự án sân gôn;</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các bộ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến bằng văn bản về những nội dung của Dự án sân gôn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ Dự án sân gôn, Sở</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh và lấy ý kiến thẩm của Bộ, ngành và cơ quan khác có liên quan; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</li> <li>- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định;</li> <li>- Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm tra;</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;</li> <li>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn;</li> <li>- Thông tư số</li> </ul>

		<p>Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định hồ sơ Dự án sân golf gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, lập báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư gồm các nội dung theo quy định của pháp luật đầu tư;</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ trình đầy đủ, đúng thủ tục của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và Văn phòng Chính phủ thực hiện phát hành, công khai văn bản theo đúng Quy chế làm việc của Chính phủ.</p> <p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.</p>	<p>- Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.</p>		<p>16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.</p>
--	--	--	--	--	--

**Phần II.**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1269/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

---

**1. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ Dự án sân gôn theo quy định tại các Khoản 1 và 2, Điều 10, Nghị định số 52/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về điều kiện đầu tư và kinh doanh sân gôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình (Cabin Sở Kế hoạch và Đầu tư);

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về những nội dung của Dự án sân gôn;

- Bước 3: Các bộ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến bằng văn bản về những nội dung của Dự án sân gôn thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, gửi Cơ quan đăng ký đầu tư;

- Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định hồ sơ Dự án sân gôn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Bước 5: Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, lập báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư gồm các nội dung theo quy định của pháp luật Đầu tư;

- Bước 6: Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án sân gôn gồm các nội dung quy định tại Khoản 8, Điều 33 của Luật Đầu tư. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và Văn phòng Chính phủ thực hiện phát hành, công khai văn bản theo đúng Quy chế làm việc của Chính phủ.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; giải trình việc đáp ứng

nguyên tắc, điều kiện quy định tại các Điều 3, 5, 6, 7 và 8 Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về điều kiện đầu tư và kinh doanh sân gôn.

- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

- Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);

- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường;

- Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư.

**d) Số lượng hồ sơ:** 08 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ dự án sân gôn theo quy định tại Điểm a, Khoản này, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các bộ, cơ quan có liên quan về những nội dung của Dự án sân gôn;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các bộ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến bằng văn bản về những nội dung của Dự án sân gôn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ Dự án sân gôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định hồ sơ Dự án sân gôn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, lập báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư gồm các nội dung theo quy định của pháp luật đầu tư;

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ trình đầy đủ, đúng thủ tục của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm tra, trình Thủ

tướng Chính phủ xem xét, quyết định và Văn phòng Chính phủ thực hiện phát hành, công khai văn bản theo đúng Quy chế làm việc của Chính phủ.

**e) Cơ quan thực hiện:**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và lấy ý kiến thẩm định của Bộ, ngành và cơ quan khác có liên quan;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định;
- Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm tra;
- Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức);
- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài **không thuộc** trường hợp quy định tại các Điểm a, b và c, Khoản 1, Điều 23 Luật Đầu tư:

*“a. Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;*

*b. Có tổ chức kinh tế quy định tại Điểm a, Khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên;*

*c. Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại Điểm a, Khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên”.*

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ hoặc Văn bản thông báo từ chối quyết định chủ trương đầu tư (nếu rõ lý do).

**i) Lệ phí:** Không.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;
- Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn;



- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam./.

### Mẫu I.1

#### Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

### VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: ..... (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

#### I. NHÀ ĐẦU TƯ

##### 1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: ..... Giới tính: .....

.....

Sinh ngày: ...../...../..... Quốc tịch: .....

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu): .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức: .....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương: .....

Ngày cấp: .....Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: .....Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (*chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam*):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (*chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam*):.....

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: .....Giới tính: .....

Chức danh:.....Sinh ngày: ...../...../.....Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: .....

Ngày cấp: ..... /..... /..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:** thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

**II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP** (*đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế*)

**1. Tên tổ chức kinh tế:** .....

**2. Loại hình tổ chức kinh tế:** .....

**3. Vốn điều lệ:**.....(*bằng chữ*) đồng và tương đương ..... (*bằng chữ*) đô la Mỹ

**4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:**

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

### III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư: .....

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

### IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

### V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).
- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại ....., ngày ..... tháng .....năm.....

**Nhà đầu tư**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và  
đóng dấu (nếu có)

**Mẫu I.2****Đề xuất dự án đầu tư**

*(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư*

*Ngày .... tháng ... năm....)*

**I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**

*(Ghi tên từng nhà đầu tư)*

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU****1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:**

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: .....

*(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).*

**2. Mục tiêu dự án:**

<b>STT</b>	<b>Mục tiêu hoạt động</b>	<b>Tên ngành</b> <i>(Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)</i>	<b>Mã ngành theo VSIC</b> <i>(Mã ngành cấp 4)</i>	<b>Mã ngành CPC (*)</b> <i>(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)</i>
1	<i>(Ngành kinh doanh chính)</i>			
2	.....			

*Ghi chú:*

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (\*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

**3. Quy mô đầu tư:**

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế: .....

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: .....

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng ( $m^2$  hoặc ha): .....
- Quy mô kiến trúc xây dựng (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...*):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

**4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất** (*áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư*)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

**5. Vốn đầu tư:**

5.1. Tổng vốn đầu tư: ..... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ..... (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: ... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng: .....

b) Vốn lưu động: ..... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ..... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

**Ghi chú:**

(\*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Vốn khác: .....*

**6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án: .....**

**7. Tiến độ thực hiện dự án**(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018):*Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ ....*

**8. Nhu cầu về lao động**(*nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể*):.....

**9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án**

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ....).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**10. Giải trình về sử dụng công nghệ:**(*áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư*)

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

**11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):** .....

**III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ** (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

**1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

**2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

**3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

**4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):** .....

Làm tại ....., ngày ..... tháng .....năm.....

**Nhà đầu tư**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và  
đóng dấu (nếu có)

## **2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ Dự án sân gôn theo quy định tại các Khoản 1 và 2, Điều 10, Nghị định số 52/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về điều kiện đầu tư và kinh doanh sân gôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình (Cabin Sở Kế hoạch và Đầu tư);

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về những nội dung của Dự án sân gôn;

- Bước 3: Các bộ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến bằng văn bản về những nội dung của Dự án sân gôn thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, gửi Cơ quan đăng ký đầu tư;

- Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định hồ sơ Dự án sân gôn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Bước 5: Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, lập báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư gồm các nội dung theo quy định của pháp luật Đầu tư;

- Bước 6: Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án sân gôn gồm các nội dung quy định tại Khoản 8, Điều 33 của Luật Đầu tư. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và Văn phòng Chính phủ thực hiện phát hành, công khai văn bản theo đúng Quy chế làm việc của Chính phủ.

- Bước 7: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư khi nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; giải trình việc đáp ứng nguyên tắc, điều kiện quy định tại các Điều 3, 5, 6, 7 và 8 Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về điều kiện đầu tư và kinh doanh sân gôn.



- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

- Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);

- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường;

- Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư.

**d) Số lượng hồ sơ:** 08 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ dự án sân gôn theo quy định tại Điểm a, Khoản này, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan về những nội dung của Dự án sân gôn;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các bộ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến bằng văn bản về những nội dung của Dự án sân gôn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ Dự án sân gôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định hồ sơ Dự án sân gôn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, lập báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư gồm các nội dung theo quy định của pháp luật đầu tư;

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ trình đầy đủ, đúng thủ tục của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và Văn phòng Chính phủ thực hiện phát hành, công khai văn bản theo đúng Quy chế làm việc của Chính phủ.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện:**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và lấy ý kiến thẩm định của Bộ, ngành và cơ quan khác có liên quan;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định;

- Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm tra;

- Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức);

- Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức);

- Tổ chức kinh tế.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ hoặc Văn bản thông báo từ chối quyết định chủ trương đầu tư (nếu rõ lý do), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**i) Lệ phí: Không.**

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

**Mẫu I.1****Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư***(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**Kính gửi: ..... *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ****1. Nhà đầu tư thứ nhất:***a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: .....Giới tính: .....

.....

Sinh ngày: ...../...../.....Quốc tịch: .....

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*: .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên doanh nghiệp/tổ chức: .....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

.....

Ngày cấp: .....Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: .....Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (*chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam*):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (*chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam*):.....

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: .....Giới tính: .....

Chức danh:.....Sinh ngày: ...../...../.....Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: .....

Ngày cấp: ..... /..... /..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:** thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

**II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP** (*đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế*)

**1. Tên tổ chức kinh tế:** .....

**2. Loại hình tổ chức kinh tế:**.....

**3. Vốn điều lệ:**.....(*bằng chữ*) đồng và tương đương ..... (*bằng chữ*) đô la Mỹ

**4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:**

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

**III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Tên dự án đầu tư: .....

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**V. HỒ SƠ KÈM THEO**

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (*tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).
- Các hồ sơ liên quan khác (*nếu có*):

Làm tại ....., ngày ..... tháng .....năm.....

**Nhà đầu tư**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và  
đóng dấu (*nếu có*)

**Mẫu I.2****Đề xuất dự án đầu tư**

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày .... tháng ... năm....)

**I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU****1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:**

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: .....

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

**2. Mục tiêu dự án:**

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2	.....			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (\*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

**3. Quy mô đầu tư:**

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế: .....

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: .....

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng ( $m^2$  hoặc ha): .....
- Quy mô kiến trúc xây dựng (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...*):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

**4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất** (*áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư*)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

**5. Vốn đầu tư:**

5.1. Tổng vốn đầu tư: ..... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ..... (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: ... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng: .....

b) Vốn lưu động: ..... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ..... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

**Ghi chú:**

(\*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Vốn khác: .....*

**6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án: .....**

**7. Tiến độ thực hiện dự án***(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018):* Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ ....

**8. Nhu cầu về lao động***(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....*

**9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án**

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ....).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**10. Giải trình về sử dụng công nghệ:***(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;



- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

**11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):** .....

**III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ** (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

**1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

**2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

**3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

**4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):** .....

Làm tại ....., ngày ..... tháng .....năm.....

**Nhà đầu tư**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và  
đóng dấu (nếu có)